

NHỮNG ĐỔI MỚI TRONG GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ 2 MÔN TIẾNG TRUNG QUỐC TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI (giai đoạn từ 2010 -2015)

INNOVATIONS IN TEACHING CHINESE AS A SECOND FOREIGN LANGUAGE
IN VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI IN THE PERIOD OF 2010 - 2015

DƯƠNG THÙY DƯƠNG

(ThS; Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội)

LÊ THỊ KIM DUNG

(ThS; Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội)

Abstract: Innovation in teaching is always a top concern of the education sector in general and the National University of Hanoi in particular. How to make both teaching and learning in such a short time at school really effective? The answer is in the innovation of positive training and teaching methods which put students in the center of teaching and learning. This methods have been applied in other schools in VNU since the last 5 years, not only in teaching Chinese as a second foreign languages but also for other foreign languages. In particular, the introduction of foreign language learning outcomes for the school system is a new breakthrough. That means all students before graduating have to achieve B1 level (a second foreign language for students whose major foreign language is not English language), which is equivalent to Chinese HSK level 3. In addition to teaching basic language knowledge of vocabulary, grammar,...students are provided specialized knowledge to meet requirements for their future jobs.

Key words: Innovation; teaching; second foreign language.

1. Khái quát

1.1. Ngoại ngữ 2 là một trong những môn chung bắt buộc cho sinh viên trong khối trường thành viên trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội. Theo xu thế đổi mới của nền giáo dục nói chung và giảng dạy ngoại ngữ nói riêng, từ năm 2010-2015, các trường thành viên trong Đại học Quốc gia thực hiện hình thức “dạy chung - học chung - thi chung”. Đặc biệt, chủ trương đưa ra tiêu chuẩn về chuẩn đầu ra là một bước đột phá lớn, đó là: nếu như trước đây sinh viên học ngoại ngữ thứ 2 chỉ chú trọng đến từ vựng, ngữ pháp thì giờ đây 4 kỹ năng nghe - nói - đọc - viết được chú trọng ngang bằng nhau.

1.2. Sinh viên lựa chọn tiếng Trung Quốc làm ngoại ngữ hai tập trung ở một số khoa của hai trường: Ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn chủ yếu tập trung ở các khoa như: Văn học, Lịch sử, Báo chí, Triết học, Ngôn ngữ

học, Khoa học Quản lý, v.v.; Ở trường Trường Đại học Ngoại ngữ sinh viên Khoa Ngôn ngữ các nước nói tiếng Anh và Khoa Sư phạm tiếng Anh.

Tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn: Trước năm 2010, sinh viên học tiếng Trung Quốc trong 5 học phần, trong đó 3 học phần đầu là học tiếng Trung Quốc cơ sở, 2 học phần sau là học tiếng Trung Quốc chuyên ngành. Giáo trình hiện dùng là “Giáo trình Hán Ngữ” (bộ 6 quyển). Trong 3 học phần đầu sinh viên các lớp thống nhất học chung giáo trình và trong 3 học phần này sinh viên sẽ học hết 4 quyển đầu; đến 2 học phần sau sinh viên học theo giáo trình chuyên ngành do giáo viên Bộ môn Tiếng nước ngoài của trường biên soạn.

Tại Trường Đại học Ngoại ngữ: Sinh viên học trong 4 học kì; giáo trình học là bộ “Giáo trình Hán ngữ” (6quyển).

2. Những đổi mới

2.1. Từ năm 2010 - 2015: Thực hiện chủ trương đổi mới dạy và học của Đại học Quốc gia, môn ngoại ngữ 2 đã có những thay đổi: Thời gian học rút ngắn còn 3 kỳ và được chia thành ba học phần chính gồm học phần A1, A2, B1, B2. Đối với môn tiếng Trung Quốc, sinh viên vẫn sử dụng bộ Giáo trình Hán ngữ (6 quyển), khi kết thúc học phần B1 sẽ học hết bài 55 (quyển 4). Các học phần đều yêu cầu sinh viên thực hiện bài thi gồm 4 kỹ năng (nghe - nói - đọc - viết). Một điểm mới về yêu cầu là sinh viên phải đạt điều kiện tiên quyết mới được học các kì tiếp theo. Sinh viên được lựa chọn các lớp học và thời gian học phù hợp với mình. Điểm nổi bật trong hình thức học chung - thi chung này chính là đề cương môn học được chỉnh sửa nhằm đáp ứng tốt nhiệm vụ dạy và học. Đề cương môn học cụ thể của từng học phần được phân chia cân đối, hợp lí. Cụ thể:

Thứ nhất, đối với học phần A1 (04 tín chỉ): Đây là môn học bắt buộc cho môn học kế tiếp là tiếng Trung Quốc A2. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động của học phần A1: là Nghe giảng lý thuyết: 16; Bài tập trên lớp: 14; Thảo luận: 30. Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên đạt được trình độ HSK cấp 1 với yêu cầu như sau:

a. Năng lực ngôn ngữ

- **Ngữ âm:** yêu cầu nắm được các kiến thức cơ sở về ngữ âm tiếng Hán hiện đại như: cách đọc và phát âm các thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu, các quy tắc viết phiên âm của chữ Hán, quy tắc đọc các hiện tượng biến điệu. Nhận biết và phân biệt, phát âm chuẩn các thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu trong tiếng Hán; đọc đúng ngữ điệu, trọng âm của từ và các loại câu đơn giản đã được học.

- **Từ vựng:** yêu cầu nắm được kiến thức cơ bản về chữ Hán như tên các bộ thủ, tên các nét cơ bản, qui tắc viết chữ Hán; thuộc nghĩa và từ loại, viết đúng hình chữ, biết dùng từ ngữ đặt câu, sử dụng chính xác và linh hoạt 378 từ trong những tình huống giao tiếp đơn giản đã học.

- **Ngữ pháp:** dùng được các mô hình câu đơn giản (câu vị ngữ danh từ, câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ, câu có hai tân ngữ, câu

lựa chọn, câu hỏi sử dụng các đại từ nghi vấn...); cách sử dụng một số trợ từ, giới từ và phó từ.

b. Năng lực giao tiếp (nghe - nói - đọc - viết)

- **Kỹ năng nghe:** nghe và ghi lại được các thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu trong tiếng Hán. Nghe và hiểu được các từ đơn lẻ đã được học. Nghe và hiểu được một câu đơn giản. Nghe và hiểu được một đoạn hội thoại đơn giản khoảng 4 - 6 câu.

- **Kỹ năng nói:** phát âm chuẩn các thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu. Thể hiện chính xác ngữ điệu của một số loại câu đơn giản đã học trong chương trình. Biết kết hợp từ để nói những câu đơn giản. Thực hiện được các bài tập luyện khẩu ngữ cơ bản như bài tập hoàn thành hội thoại, bài tập trả lời câu hỏi, bài tập hội thoại theo nhóm, bài tập kể chuyện theo chủ đề. Vận dụng được các kiến thức đã học để thực hiện các hội thoại thông thường trong cuộc sống như: chào hỏi, giới thiệu về cá nhân, gia đình, trường, lớp, cuộc sống hàng ngày, thời gian biểu trong học tập, sinh hoạt

- **Kỹ năng đọc:** đọc hiểu các bài đọc và hoàn thành tốt các bài tập liên quan đến bài đọc về các chủ đề thông thường đã học

- **Kỹ năng viết:** viết đúng từ, phiên âm của từ. Viết được các câu đơn giản. Vận dụng được các từ và kết cấu ngữ pháp đã học để viết các đoạn văn ngắn (50 - 100 chữ) hoặc các đoạn hội thoại với các chủ đề đơn giản đã học.

Thứ hai, đối với học phần A2 (05 tín chỉ): Đây là môn học tiên quyết của môn Tiếng Trung Quốc B1 và là môn học kế tiếp của tiếng Trung Quốc A1. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động của học phần A2: Nghe giảng lý thuyết: 22,5; Bài tập trên lớp: 30; Thảo luận: 22,5. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên đạt được trình độ HSK cấp 2. Môn tiếng Trung Quốc A2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

a. Năng lực ngôn ngữ

- **Ngữ âm - ngữ pháp:** Phát âm chuẩn, sử dụng các mô hình câu (câu mang bổ ngữ trình độ, bổ ngữ kết quả, bổ ngữ số lượng, bổ ngữ thời lượng, câu so sánh, câu vị ngữ danh từ, câu kiêm ngữ, câu phức quan hệ giả thiết, tăng tiến,

nguyên nhân - kết quả ...); cách sử dụng một số trợ từ, giới từ, phó từ,...

- Từ vựng: hiểu nghĩa, nắm đúng từ loại, viết đúng chữ và cách sử dụng của 482 từ thuộc vốn từ căn bản thường xuyên xuất hiện trong các tình huống đơn giản hàng ngày được giới thiệu qua các bài học như: học tập, hoạt động hàng ngày, sở thích, đời sống xã hội,...

b. Năng lực giao tiếp

- Kỹ năng nghe: nghe và hiểu được các từ đơn lẻ đã được học, câu đơn giản hoặc một đoạn hội thoại ngắn từ 6 - 10 câu.

- Kỹ năng nói: thực hiện các hội thoại thông thường trong cuộc sống như

- Kỹ năng đọc, viết: vận dụng được các từ và kết cấu ngữ pháp đã học để viết các đoạn văn ngắn (100 - 150 chữ) hoặc các đoạn hội thoại với các chủ đề ở mức độ tiền trung cấp.

Thứ ba, đối với học phần B1 (05 tín chỉ):

Đây là môn học tiền quyết của môn Tiếng Trung Quốc B2 và môn học kế tiếp của tiếng Trung Quốc A2. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động của học phần B1: Nghe giảng lý thuyết: 21; Bài tập trên lớp: 28; Thực hành: 26.. Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có thể đạt được trình độ HSK cấp 3.

a. Năng lực ngôn ngữ

- Về Ngữ âm - Từ vựng: hiểu nghĩa, viết đúng chữ, nắm được từ loại và cách sử dụng 636 từ thuộc vốn từ căn bản thường xuyên xuất hiện trong các tình huống đơn giản hàng ngày được giới thiệu qua các bài học. Có đủ vốn từ để diễn đạt ý mình (dù đôi khi phải nói vòng) khi bàn về các chủ đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày như gia đình, sở thích, công việc, du lịch, các sự kiện mới xảy ra;

- Về Ngữ pháp: hiểu và sử dụng đúng (đúng cách thức, đúng tình huống, ngữ cảnh,...) nắm được hầu hết ngữ pháp cơ bản trong tiếng Hán hiện đại

b. Năng lực giao tiếp

- Kỹ năng nghe: nghe hiểu được các thông tin, sự kiện đơn giản về các chủ đề phổ biến hàng ngày; xác định được nội dung chính và ý chi tiết của ngôn bản trong điều kiện ngôn bản được nói một cách rõ ràng và bằng một giọng

quen thuộc; hiểu được nội dung chủ yếu của những ngôn bản chuẩn, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, thường gặp;

- Kỹ năng nói: hội thoại được về các chủ đề giao tiếp thông thường; trình bày được những bài miêu tả đơn giản về các chủ đề ưa thích một cách khá mạch lạc. Giao tiếp với mức độ tự tin nhất định trong các hoạt động thường ngày hoặc liên quan đến sở thích và lĩnh vực chuyên môn cá nhân; diễn tả suy nghĩ của mình về các chủ đề liên quan đến lĩnh vực văn hoá, ví dụ như phim ảnh, sách, âm nhạc,...; tường thuật lại một cách chi tiết những trải nghiệm, miêu tả cảm xúc và phản ứng; kể lại cốt truyện của một cuốn sách, bộ phim và trình bày cảm nhận của mình; nói về ước mơ, hi vọng và tham vọng;

- Kỹ năng đọc: đọc hiểu các bài khoá đơn giản truyền tải thông tin về những chủ đề ưa thích hay thuộc chuyên môn của bản thân; đọc lướt các văn bản dài để xác định các thông tin cần tìm, thu thập thông tin từ nhiều phần của một văn bản, hay từ nhiều văn bản khác nhau nhằm hoàn thành một nhiệm vụ cụ thể; tìm ra và hiểu được thông tin chính trong các tài liệu thông thường như thư từ, sách, quảng cáo hay các tài liệu chính thức ngắn;

- Kỹ năng viết: viết các văn bản đơn giản dưới dạng thức tường thuật, kể chuyện, miêu tả về các nội dung như: giới thiệu danh lam thắng cảnh, chuyển đi du lịch, kiểu kiến trúc nổi tiếng, loại hình nghệ thuật truyền thống, một số tập tục trong đời sống: sinh nhật, cưới hỏi, mừng thọ, lễ tiết,...Viết các bài luận ngắn, đơn giản về các chủ đề ưa thích; viết các thư hay ghi chú cá nhân để yêu cầu hay truyền đạt các thông tin đơn giản có tính phù hợp tức thì, truyền tải được điểm mà mình cho là quan trọng; viết các thư từ cá nhân để báo tin hay trình bày suy nghĩ của bản thân về các vấn đề trừu tượng hay liên quan đến văn hoá, ví dụ như phim ảnh, âm nhạc; ghi lại các tin nhắn trao đổi yêu cầu, giải trình vấn đề; ghi chép thành các điểm chính khi nghe một bài giảng đơn giản, quen thuộc, được nói rõ ràng và chuẩn.

Thứ tư, đối với học phần tiếng Trung Quốc B2 (05 tín chỉ): Đây là môn học kế tiếp của

tiếng Trung Quốc B1. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động của học phần B2: Nghe giảng lí thuyết: 10; Bài tập trên lớp: 45; Thực hành: 20.

Tiếng Trung Quốc B2 áp dụng cho sinh viên hệ chất lượng cao của các chuyên ngành đào tạo trong Đại học Quốc gia. Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên đạt được trình độ HSK cấp 4. Cụ thể như sau:

a. Năng lực ngôn ngữ

- Ngữ âm: phân biệt đúng âm và thanh điệu của các từ, đọc lưu loát các từ, cụm từ, câu thơ và đoạn văn; đọc diễn cảm và đúng ngữ điệu của đoạn văn, câu thơ và các đoạn hội thoại giao tiếp; phát âm tương đối rõ ràng; ngữ điệu tương đối tự nhiên.

- Từ vựng: hiểu nghĩa, viết đúng chữ Hán, nắm được từ loại và cách sử dụng khoảng 1200 từ thuộc vốn từ căn bản thường xuyên xuất hiện trong các câu, đoạn văn và giáo trình HSK cấp 4 mới; biết đa dạng hoá cách chọn lựa từ để tránh việc lặp lại từ thường xuyên, nhưng sự hiểu hệt từ vựng có thể dẫn đến sự ngập ngừng hay lối nói vòng; có khả năng sử dụng từ vựng tương đối chính xác, có thể đối phó còn dùng sai từ nhưng không làm ảnh hưởng tới giao tiếp.

- Ngữ pháp: hiểu và sử dụng đúng các từ thuộc nhóm từ căn bản, đồng thời biết phân biệt các từ gần nghĩa. Có khả năng sử dụng vốn ngữ pháp căn bản khá tốt. Đôi khi còn sơ sẩy, mắc các lỗi không có tính hệ thống hay các sai sót nhỏ trong cấu trúc câu, nhưng những lỗi đó là hiếm và có thể chỉnh sửa khi nói lại; không mắc các lỗi có thể dẫn đến hiểu lầm.

b. Năng lực giao tiếp

- Kỹ năng nghe: hiểu được ngôn ngữ nói chuẩn, dù là trực tiếp hay qua các phương tiện truyền thông, về các vấn đề quen thuộc hay xa lạ trong cuộc sống hàng ngày, xã hội, học tập và lao động. Khả năng nghe hiểu chỉ bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn lớn trong ngữ cảnh, những cấu trúc diễn ngôn không phù hợp và khi người nói sử dụng thành ngữ; theo dõi được các ngôn cảnh dài và các đoạn lập luận phức tạp với các chủ đề quen thuộc và bài nói được định hướng rõ ràng bởi các từ gợi mở, định hướng; nắm bắt được nội dung truyền tải, nhưng còn thấy khó khi

tham gia vào các cuộc thảo luận với một vài người bản xứ khi họ không chịu điều chỉnh ngôn ngữ của họ; theo dõi được các điểm chính của một bài giảng, bài nói chuyện và báo cáo với chủ đề quen thuộc. Hiểu được các đoạn nghe có giọng chuẩn và hay gặp trong xã hội, chuyên môn hay học tập và có thể xác định được quan điểm và thái độ của người nói cũng như nội dung thông tin.

- Kỹ năng nói: miêu tả hay trình bày rõ ràng, hệ thống và có phát triển ý, trong đó biết tạo điểm nhấn và đưa ý bổ sung phù hợp; sử dụng ngôn ngữ một cách trôi chảy, chính xác và hiệu quả khi nói về các chủ đề chung, việc làm hay vui chơi giải trí, các ý được liên kết chặt chẽ với nhau; trình bày một cách rõ ràng, hệ thống và có bố cục, biết tạo điểm nhấn cho những điểm quan trọng và biết bổ sung ý phù hợp; trình bày các bài thuyết trình được chuẩn bị từ trước một cách rõ ràng, đưa ra các lí do để đồng tình hay phản đối một quan điểm cụ thể cũng như chỉ ra mặt lợi và hại của nhiều phương án; có thể trả lời một chuỗi các câu hỏi phát sinh một cách tương đối trôi chảy và tức thì mà không gây khó khăn cho bản thân và người nghe.

- Kỹ năng đọc: đọc với khả năng đọc lập cao, điều chỉnh phương thức và tốc độ đọc phù hợp với các loại bài đọc khác nhau và tùy theo mục đích đọc cụ thể; có một vốn từ vựng thuộc giao tiếp hàng ngày rộng, tuy nhiên có thể gặp khó khăn với những thành ngữ ít dùng; đọc thư từ liên quan đến lĩnh vực mà mình ưa thích và có thể dễ dàng nắm được ý chính; có thể đọc lướt nhanh qua các bài đọc dài và phức tạp nhằm xác định thông tin phù hợp.

- Kỹ năng viết: viết các văn bản rõ ràng, chi tiết về nhiều chủ đề quen thuộc, có thể tổng hợp và đánh giá thông tin và lập luận từ nhiều nguồn; viết các bài miêu tả rõ ràng, chi tiết về các sự kiện hay trải nghiệm có thật hay tưởng tượng, làm rõ mối quan hệ giữa các ý trong bài viết và tuân thủ các quy chuẩn của thể loại đang viết; viết một bài bình luận đơn giản cho một bộ phim, cuốn sách hay vở kịch; viết thư truyền tải các cung bậc cảm xúc và nhấn mạnh mức quan trọng của những sự kiện với bản thân; đưa ra

nhận định về tin tức và quan điểm của người viết thư.

2.2. Bắt đầu từ năm học 2014-2015 thực hiện quy định mới đối với sinh viên trước khi ra trường là: phải đạt chuẩn đầu ra B1. Sinh viên trải qua kì thi cuối kì, tổng 4 kĩ năng phải đạt kết quả từ 5.0 ở lên mới được xét đạt chuẩn đầu ra. Ngoài hình thức tham ra kì thi B1 ra sinh viên còn có thể tham gia thi đánh giá chuẩn đầu ra của phòng khảo thí do trường Đại học Ngoại ngữ tổ chức, hoặc tham gia kì thi năng lực tiếng Hán (HSK) và phải đạt trình độ tương ứng với HSK cấp 3.

1) *Đối với sinh viên*: thuận lợi lớn nhất là sinh viên được học bởi đội ngũ giảng viên có trình độ cao, được đào tạo bài bản; giáo trình được cập nhật; được chú trọng cả bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết; sinh viên chủ động được thời gian học, chủ động lựa chọn lớp học; có thể giao lưu học hỏi lẫn nhau do lớp không cố định; Bên cạnh đó, Trường Đại học Ngoại ngữ tổ chức thi HSK đều đặn 1 năm 2 lần theo đó, sinh viên có thể được miễn học và được phụ điểm A+ khi đã có chứng chỉ chuẩn đầu ra.

Tuy nhiên, sinh viên cũng gặp những khó khăn như: phải làm quen với cách học và cách thi mới; phải có quá trình học liên tục vì kết quả học tập A1 là điều kiện để học tiếp A2; Thời gian học rút ngắn hơn trước nhưng lượng kiến thức thì nhiều nên đòi hỏi sinh viên phải tự học nhiều; Sinh viên phải đạt được chuẩn đầu ra cho môn học chứ không dừng lại ở việc hoàn thành môn học, v.v.

2) *Đối với giảng viên*: có điều kiện để được đào tạo, nâng cao kiến thức chuyên môn; việc dạy chung - học chung - thi chung giữa các trường thành viên trong Đại học Quốc gia giúp cho tiết kiệm được thời gian và công sức cho giảng viên rất nhiều về phần ra đề, coi thi, chấm thi,... Tuy nhiên, giảng viên cũng gặp phải khó khăn như: Thời gian học rút ngắn hơn trước nhưng nội dung học vẫn nhiều, tài liệu bắt buộc và tham khảo tương đối nhiều; Việc lên lớp 5 tiết/ tuần (trong 15 tuần) đối với từng học phần và giảng dạy cả bốn kĩ năng là một việc khá vất vả.

3. Kết luận

Đổi mới trong giảng dạy nhằm nâng cao kiến thức ngoại ngữ nói chung, tiếng Trung Quốc nói riêng cho sinh viên là vấn đề cấp thiết trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Vấn đề đặt ra là bên cạnh việc đổi mới trong dạy học ngoại ngữ cho sinh viên, chúng ta cũng cần chú trọng nâng cao trình độ của giảng viên với những phương pháp giảng dạy mới phù hợp với người học.

Tuy nhiên việc đổi mới nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác giảng dạy phải đi kèm với sự nỗ lực, cố gắng, có ý thức tích cực trong việc học ngoại ngữ của sinh viên. Nếu chỉ có dạy tốt với những phương pháp tốt mà người học không có ý thức học tự chủ, không tích cực trong việc học thì công việc giảng dạy cũng chỉ là một chiều mà thôi. Vì vậy ngoài việc đổi mới phương pháp giảng, việc giúp cho người học nhận thấy được tầm quan trọng của ngoại ngữ trong công việc của mình sau này và phát huy được tính tự chủ của người học là điều rất quan trọng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đề cương chi tiết môn học tiếng Trung Quốc A1*, Bộ Môn tiếng Trung Quốc 1, Khoa Ngôn ngữ Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia, năm 2014 (Lưu hành nội bộ).
2. *Đề cương chi tiết môn học tiếng Trung Quốc A2*, Bộ môn tiếng Trung Quốc 1, Khoa Ngôn ngữ Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia, năm 2014 (Lưu hành nội bộ).
3. *Đề cương chi tiết môn học tiếng Trung Quốc B1*, Bộ môn tiếng Trung Quốc 1, Khoa Ngôn ngữ Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia, năm 2014 (Lưu hành nội bộ).
4. *Đề cương chi tiết môn học tiếng Trung Quốc B2*, Bộ môn tiếng Trung Quốc 1, Khoa Ngôn ngữ Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia, năm 2014 (Lưu hành nội bộ).